

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 78/2017/HSST
Ngày: 10-10-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Lâm.
- Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Minh Chí;
Bà Hà Thị Mai Loan.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc tham gia phiên tòa:
Ông Phan Sâm Rin – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 10 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 67/2017/HSST ngày 22 tháng 8 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2017/HSST-QĐ ngày 30 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Lâm Quang Anh V (tên gọi khác là T), sinh năm: 1984; nơi sinh: xã P, huyện C, tỉnh Long An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 1, xã P, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ văn hóa: 7/12; con ông Lâm Quang B, sinh năm: 1959 và bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1963; Vợ: Ngô Thị Bích N; Con: 02 người, nhỏ sinh năm 2013, lớn sinh năm: 2012.

Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 15/10/2014 Lâm Quang Anh V thực hiện hành vi cướp giật tài sản bị Công an Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh khởi tố vụ án, khởi tố bị can. Ngày 08/4/2015, Công an Quận 4 ra quyết định đình chỉ điều tra vụ án và bị can do V không có năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Ngày 10/4/2015, Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh. Ngày 11/01/2016, V được cho về gia đình.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21 tháng 5 năm 2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo: Chị Ngô Thị Bích N, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: ấp 1, xã P, huyện C, tỉnh Long An. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Thị C – Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị C thuộc Đoàn luật sư tỉnh Long An. (có mặt)

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh Long An. (yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Ngô Thị Bích N, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: ấp 1, xã P, huyện C, tỉnh Long An. (có mặt)

Người làm chứng:

1. Ông Phan Ngọc T, sinh năm: 1969. (vắng mặt)

2. Ông Ngô Văn T, sinh năm: 1966. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 21/5/2017, Lâm Quang Anh V điều khiển xe mô tô Nouvo màu trắng xanh, biển số 62M1-402.37, lưu thông trên đường tỉnh lộ 826C từ xã PL về nhà của mình tại xã P. Khi đến đoạn đường thuộc ấp L, xã PL, huyện C, V phát hiện chị Nguyễn Thị Kim L điều khiển xe mô tô Wave S chạy cùng chiều trong túi quần bên phải để lộ ra 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 Prime nên nảy sinh ý định giật chiếc điện thoại này để bán lấy tiền tiêu xài. Lợi dụng lúc trên đường vắng người qua lại, V điều khiển xe mô tô áp sát vào phía bên phải xe chị L, dùng tay phải giật chiếc điện thoại của chị L rồi tăng ga tẩu thoát, chị L đuổi theo và truy hô “Cướp, cướp”. Khi V điều khiển xe qua cầu R do không làm chủ được tốc độ nên bị té ngã, quần chúng nhân dân nghe tiếng truy hô của chị L nên bắt giữ V giao Công an xã P.

Tại phiên tòa, bị cáo Lâm Quang Anh V đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Chị Nguyễn Thị Kim L khai trong quá trình điều tra như sau: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 21/5/2017, chị L điều khiển xe mô tô biển số 62M1 – 7469 đi một mình trên đường tỉnh lộ 826C theo hướng xã L đi xã P. Khi đến địa phận ấp Lũy, xã PL, huyện C thì chị L bị 01 đối tượng là thanh niên điều khiển xe mô tô vượt bên phải xe chị L đang điều khiển và giật lấy 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 Prime màu đen đang để ở túi quần bên phải và tẩu thoát. Chị L truy hô và đuổi theo. Khi xe đối tượng qua khỏi cầu R thuộc ấp 3, xã P, huyện C thì xe đối tượng té ngã. Quần chúng nhân dân hỗ trợ chị L bắt giữ đối tượng giao cho Công an.

Chị Ngô Thị Bích N trình bày: Chị N là vợ của bị cáo V. Chiếc xe mô tô biển số 62M1 – 402.37 là do chị N đứng tên quyền sở hữu. Số tiền mua xe là của chị N để dành riêng và mượn của người thân. Bị cáo lấy xe mô tô trên đi

cướp giật tài sản thì chị N không biết. Chị N yêu cầu trả lại xe mô tô biển số 62M1 – 402.37 cho chị N. Đối với số tiền 16.000.000 đồng bồi thường cho người bị hại là do bị cáo nhờ chị bồi thường giúp, chị N không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này.

Ông Phan Ngọc T trình bày: Khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 21/5/2017, ông T nghe tiếng truy hô “Cướp, cướp”. Nghe vậy, ông T chạy ra đường tỉnh lộ 826C thì thấy 01 đối tượng thanh niên bị té ngã, đang dựng xe lên định lên xe mô tô bỏ chạy. Ông T cùng với người dân bắt giao cho Công an.

Ông Ngô Văn T trình bày: Khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 21/5/2017, ông T đang ở trong nhà thì anh nghe tiếng truy hô “Cướp, cướp” ở ngoài đường tỉnh lộ 826C. Ông T chạy ra đường tỉnh lộ 826C thì thấy 01 người phụ nữ và 01 người thanh niên bị té xe. Ông T đi đến chỗ ngã xe thì người phụ nữ nhờ ông T bắt giữ người thanh niên, vì người thanh niên này có hành vi cướp tài sản. Sau đó, ông T cùng với người dân bắt người thanh niên này giao cho Công an.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Lâm Quang Anh V đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”.

Kết luận định giá tài sản số 76 ngày 22/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Cần Giuộc, xác định: 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Prime, cảm ứng, màu đen (đã qua sử dụng), trị giá 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Bị cáo Lâm Quang Anh V, người bị hại là chị Nguyễn Thị Kim L không có ý kiến hay khiếu nại gì đối với kết luận định giá tài sản này.

Qua điều tra, cơ quan Công an đã thu giữ: 01 xe mô tô hiệu Nouvo màu trắng xanh, biển số 62M1-402.37; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 Prime, màu đen, sim số 0122.379.9277 do Lâm Quang Anh V giao nộp.

Về dân sự: Chị L đã nhận lại chiếc điện thoại di động. Ngoài ra, khi bị cáo V giật điện thoại, chị L điều khiển xe đuổi theo và va chạm với xe của V nên bị té ngã làm chị L bị xây sát và hư hỏng xe mô tô. Chị N là vợ của V đã bồi thường cho chị L số tiền 16.000.000 đồng. Hiện tại chị L không yêu cầu gì thêm.

Ngày 01/6/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cần Giuộc ra quyết định số 80/QĐ.CSĐT trưng cầu giám định năng lực trách nhiệm hình sự và năng lực hành vi dân sự trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội của Lâm Quang Anh V.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 2370/KLGD ngày 14/7/2017 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Thành phố Hồ Chí Minh – Bộ y tế, kết luận:

- Trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội cho đến hiện tại Lâm Quang Anh V có bị rối loạn trầm cảm tái diễn, giai đoạn thuyên giảm (F33.4-ICD10).

- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội cho đến hiện tại, Lâm Quang Anh V hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Bị cáo V không có ý kiến hay khiếu nại gì đối với kết luận giám định này.

Bản Cáo trạng số 69/QĐ-KSĐT, ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc đã truy tố bị cáo Lâm Quang Anh V về tội: “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa trong phần luận tội đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm b, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46; Điều 47; các Điều 33 và Điều 45 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Lâm Quang Anh V từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

- Về dân sự: Chị L đã nhận lại chiếc điện thoại di động. Ngoài ra, khi bị cáo V giật điện thoại, chị L điều khiển xe đuổi theo và va chạm với xe của V nên bị té ngã làm chị L bị xây sát và hư hỏng xe mô tô. Chị N là vợ của bị cáo V đã bồi thường cho chị L số tiền 16.000.000 đồng. Hiện tại, chị L không yêu cầu gì thêm, nên không xét đến.

- Về vật chứng: Đề nghị trả lại xe mô tô biển số 62M1-402.37 cho chị Ngô Thị Bích N.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lâm Quang Anh V phát biểu: Luật sư thống nhất với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc đã truy tố. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự gồm: Bị cáo có nhờ vợ bồi thường thiệt hại đầy đủ cho người bị hại; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa thì bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội cho đến hiện tại, bị cáo hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, p, n khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, gia đình bị cáo là hộ cận nghèo, người bị hại có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Luật sư đề nghị xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, trong khung liên kề nhẹ hơn của điều luật và xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo đồng ý với lời bào chữa của Luật sư, bị cáo không có bổ sung ý kiến bào chữa.

Sau khi Luật sư phát biểu lời bào chữa, trong phần đối đáp đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội cho đến hiện tại, bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Chị Ngô Thị Bích N không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời nói sau cùng là xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cần Giuộc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã mô tả. Bị cáo xác định cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố là đúng người, đúng tội. Xét thấy, lời nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là phù hợp với nhau và phù hợp với tất cả các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Lâm Quang Anh V dùng xe mô tô biển số 62M1-402.37, làm phương tiện để cướp giật 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 Prime màu đen trị giá 4.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Kim L, trong khi chị L đang điều khiển xe mô tô trên đường tỉnh lộ 826C. Theo quy định tại tiểu mục 5.3, Mục 5 phần I của Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP, ngày 25/12/2001 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ công an - Bộ tư pháp thì hành vi nêu trên thuộc trường hợp là dùng thủ đoạn nguy hiểm, đây là tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự.

Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là thuộc trường hợp rất nghiêm trọng trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác và gây mất trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo đã biết rõ hành vi cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, trái đạo đức xã hội nhưng vì mục đích tư lợi, muốn có tiền tiêu xài nhanh chóng mà bất chấp pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy phải xử lý bị cáo thật nghiêm khắc.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử khi quyết định hình phạt có xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo có nhờ chị N là vợ của bị cáo bồi thường thiệt hại đầy đủ cho người bị hại; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa thì bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội cho đến hiện tại, bị cáo hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p, n khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, người bị hại có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như phân tích ở trên, xét thấy cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Hội đồng xét xử quyết định hình phạt đối với bị cáo là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Tuy nhiên, để giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa vi phạm pháp luật chung trong xã hội, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng loại hình phạt tù có thời hạn và mức hình phạt đối với bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Cho nên, Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo là không phù hợp.

Về dân sự: Chị L đã nhận lại chiếc điện thoại di động bị chiếm đoạt. Chị N là vợ của bị cáo đã bồi thường cho chị L số tiền 16.000.000 đồng. Hiện tại chị L, chị N không có ý kiến và không có yêu cầu gì thêm. Cho nên, phần trách nhiệm dân sự của vụ án đã được giải quyết xong.

Về vật chứng: 01 xe mô tô biển số 62M1 – 402.37 là do chị N đứng tên quyền sở hữu. Số tiền mua xe là của chị N để dành riêng và mượn của người thân, đây là tài sản riêng của chị N. Bị cáo lấy xe mô tô trên thực hiện hành vi cướp giật tài sản thì chị N không biết. Cho nên, trả lại xe mô tô biển số 62M1 – 402.37 cho chị N.

Về án phí: Bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Lâm Quang Anh V phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm b, p, n khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46; các Điều 33; 45 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Lâm Quang Anh V 01 (một) năm tù.

Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo, ngày 21 tháng 5 năm 2017.

Áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Lâm Quang Anh V 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo cho việc thi hành án.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho chị Ngô Thị Bích N 01 xe mô tô biển số 62M1 – 402.37. (theo Quyết định chuyển vật chứng số 14/QĐ-VKS, ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc)

Về án phí: Căn cứ vào các Điều 98, 99 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lâm Quang Anh V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Án sơ thẩm, bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- CA huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu./.

Đoàn Thanh Lâm

Điều 21. Cách ghi Giấy khai sinh, Sổ đăng ký khai sinh

1. Họ, chữ đệm, tên của người được khai sinh phải ghi bằng chữ in hoa, có dấu.
2. Ngày, tháng, năm sinh của người được khai sinh là ngày, tháng, năm dương lịch, được ghi bằng số và bằng chữ.
3. Mục “Nơi sinh” được ghi như sau:
 - a) Trường hợp trẻ em sinh tại bệnh viện, nhà hộ sinh, trạm y tế, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (sau đây gọi chung là cơ sở y tế) thì ghi tên cơ sở y tế đó và tên địa danh hành chính nơi có cơ sở y tế đó.

Ví dụ: - Bệnh viện đa khoa Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Trạm y tế xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

- Bệnh viện Phụ sản, Hà Nội.
 - b) Trường hợp trẻ em sinh ngoài cơ sở y tế quy định tại điểm a của khoản này, bao gồm trường hợp sinh tại nhà, sinh trên phương tiện giao thông, trên đường hoặc tại địa điểm khác thì “Nơi sinh” được ghi theo địa danh hành chính thực tế, nơi trẻ em sinh ra (ghi địa danh hành chính đủ 3 cấp).

Ví dụ: - Xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

c) Trường hợp trẻ em sinh ra ở nước ngoài thì “Nơi sinh” được ghi theo tên thành phố và tên quốc gia, nơi trẻ em được sinh ra; trường hợp trẻ em sinh ra tại quốc gia L bang thì ghi tên thành phố, tên tiểu bang và tên quốc gia đó.

Ví dụ: - Paris, Cộng hòa Pháp.

- London, Vương quốc Anh.

- Los Angeles, tiểu bang California, Hoa Kỳ.

4. Mục “Nơi cư trú” được ghi như sau:

a) Trường hợp công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú, thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú.

b) Trường hợp công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài thì ghi theo địa chỉ thường trú hoặc tạm trú ở nước ngoài.

Cách ghi “Nơi cư trú” theo hướng dẫn tại khoản này cũng được áp dụng để ghi mục “Nơi cư trú” trong các loại Sổ hộ tịch và giấy tờ hộ tịch khác.

5. Mục “Giấy tờ tùy thân” của người đi đăng ký khai sinh, bao gồm các loại giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, phải ghi rõ: tên loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó.

Ví dụ: - Giấy CMND số 030946299, Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 01/01/2011.

- Hộ chiếu số B234567, Cục QLXNC cấp ngày 14/02/2012.

- Thẻ căn cước công dân số 010116000099, Bộ Công an cấp ngày 01/6/2016.

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT HỘ TỊCH VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ [123/2015/NĐ-CP](#) NGÀY 15 THÁNG 11 NĂM 2015 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT HỘ TỊCH